TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Cao Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B năm 1985

Địa chỉ: Khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N năm 1986

Địa chỉ: Khu phố C, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị B1 bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H2, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 25/9/2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 25/9/2006). Sau một thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân là do anh N2 xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị B yêu cầu ly hôn anh Lê Văn N3.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn A, sinh ngày 13/01/2007 và Lê Thị Thúy H ngày 10/05/2012, hiện đang ở với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn N3 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H2 H, tỉnh Bình Địnhvào ngày 25/9/2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 25/9/2006). Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bản thân anh không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn nên ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, chị B3 tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, không quan tâm đến anh, tuy nhiên bản thân anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, làm ăn nuôi con chứ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn A1 ngày 13/01/2007 và Lê Thị Thúy H ngày 10/05/2012, hiện đang ở với chị B. Anh N4 muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi con. Tuy nhiên, nếu ly hôn thì anh N thống nhất giao 02 con chung cho chị B4 dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho ly hôn với anh N; về con chung: giao hai con chung cho chị B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu; về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Địnhnên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị B5 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn N3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Qua xác minh tại Công an phường H, tỉnh Bình Định, tàng thư không có thông tin, tài liệu thể hiện anh N đã chuyển khẩu đi nơi khác và nơi cư trú hiện nay của anh N.

Trong thời gian giải quyết vụ án, anh N có văn bản trình bày ý kiến của mình, nhưng sau khi Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa thì anh N lại không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, anh N không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Chị B và anh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, khi hôn nhân gặp khó khăn, vợ chồng không cùng nhau tìm phương án giải quyết mà anh N lại chọn cách buông bỏ, sống không có trách nhiệm với vợ con, chị B6 chọn cách về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, không ai quan tâm liên lạc gì với ai. Bản thân anh N5 muốn ly hôn nhưng cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng,

cho thấy hôn nhân giữa chị B và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị B được ly hôn anh N.

[5] Việc nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn A1 ngày 13/01/2007 và Lê Thị Thúy H ngày 10/05/2012, hiện con đang ở với chị B. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu A2 Hđều có nguyện vọng được ở với mẹ và chị B7 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc hai con, đồng thời, thời gian qua cháu A3 cháu H do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu A2 H, căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên giao cháu A2 H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì chị B thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích .

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị B5 được ly hôn anh Lê Văn N3.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Lê Văn A1 ngày 13/01/2007 và Lê Thị Thúy H ngày 10/05/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị B5 được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Hoài Hảo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phường